

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2022/DS-PT
Ngày: 15-9-2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Các Thẩm phán: - Bà Phạm Thị Thanh Giang;

- Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” và “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1950; cư trú tại: Khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1970; cư trú tại: Khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp XB, xã LV, huyện DH, tỉnh TrV; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Đ1: Anh Diệp Văn Giàu E, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp XB, xã LV, huyện DH, tỉnh TrV. Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11-9-2019 và ngày 10-3-2021, vắng mặt;

2. Bà Ngô Thị R, sinh năm 1961; có mặt;

3. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1968; có mặt;
4. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1965; vắng mặt;
5. Bà Đinh Thị Ch, sinh năm 1972; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Ngô Thị Bo, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp VH, xã TRng LT, huyện CCh, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

7. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1951; vắng mặt;

8. Bà Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1973; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu phố AB, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, ông Ngô Văn S, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L: Bà Lưu Ánh Ng, là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Tạ NgTh – Chi nhánh Tây Ninh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị Ch: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; cư trú tại: đường CMT, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23-12-2019; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị Đ là nguyên đơn; bà Ngô Thị Đ1, ông Ngô Văn S, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-11-2020, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 05-7-2021, nguyên đơn bà Ngô Thị Đ trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ ông Ngô Văn X và cụ bà Võ Thị R (chết năm 1997). Cụ X, cụ R có 08 người con gồm: Bà là Ngô Thị Đ, Ngô Văn T (liệt sĩ, có vợ Hồ Thị N, có 01 người con tên Ngô Thị Ngọc L), Ngô Thị Đ1, Ngô Thị Bo, Ngô Thị R, Ngô Thị Đ, Ngô Văn S, Ngô Văn C. Cụ X, cụ R tạo lập hơn 01 mẫu đất tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa và đã chia đất cho các con, không nhớ năm nào; mỗi người con gái 07 cao đất và mỗi người con trai 27 cao. Sau khi mẹ bà chết, bà khiếu nại yêu cầu được hưởng 27,5 cao (phần đất đang tranh chấp) nên chính quyền địa phương giải quyết phân chia đất cho gia đình bà vào ngày 14-4-1999 nhưng giống như bản di chúc trước đây mà Cụ R đã chia; trong đó có phần đất 27,5 cao không chia mà tạm cấp cho ông C. Sau khi chia đất thì các anh, em của bà đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là CNQSDĐ). Sau khi ông C được cấp giấy CNQSDĐ đối với phần đất 27,5 cao này, bà có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) huyện TBa và UBND tỉnh Tây Ninh nhưng đều bác đơn khiếu nại của bà. Sau khi nhận Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 17-4-2012 của UBND tỉnh Tây Ninh, bà không khiếu nại tiếp vì đất này chỉ tạm cấp cho ông C quản lý, sử dụng nên vẫn là di sản của Cụ R.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của Cụ R là phần đất diện tích 27,5 cao (diện tích thực tế 2.642,7 m²), tại các thửa 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304; tờ bản đồ số 02 (BĐ 299); chuyển sang bản đồ lưới là thửa 13, tờ bản đồ số 06, tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa thành 08 phần; bà yêu cầu được hưởng 01 phần.

Bị đơn ông Ngô Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Ngô Thị Đ về họ tên cha mẹ, năm chết và các anh chị em như bà Đ trình bày. Trước năm 1965, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Đi Do chiến tranh, gia đình ông Đi đã rời khỏi địa phương nên Nhà nước giao phần đất 65 cao này cho mẹ ông là cụ Võ Thị R (gia đình liệt sĩ), nhưng không nhớ năm nào. Sau chiến tranh, do sợ Nhà nước lấy lại đất này cấp cho người khác nên Cụ R kêu bà Ngô Thị Đ cất nhà ở trên đất này. Sau đó, bà Đ khiếu nại cho rằng đất này là của bà Đ. Kết quả giải quyết, vào năm 1991 UBND huyện TBa giao cho bà Đ được quyền sử dụng diện tích 37,5 cao; Cụ R được quyền sử dụng diện tích 27,5 cao đất đang tranh chấp nhưng bà Đ không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Năm 1994 UBND huyện TBa quyết định giao bà Đ sản xuất diện tích 37,5 cao; Cụ R sản xuất diện tích 27,5 cao nhưng nghiêm cấm bà Đ, Cụ R mua bán, sang nhượng hay thế chấp, cho thuê; riêng Cụ R được quyền sử dụng đến hết đời. Sau khi Cụ R chết, ông có đơn xin cấp phần đất diện tích 27,5 cao này và năm 1999, nhà nước cấp giấy CNQSDĐ cho ông tổng cộng diện tích 6.658 m² (trong đó có phần đất tranh chấp 27,5 cao). Đến năm 2005, ông đăng ký chuyển sang bản đồ lưới phần đất tranh chấp này thì bà Đ tiếp tục khiếu nại; nhưng kết quả giải quyết Cối cùng vào năm 2012 của UBND tỉnh Tây Ninh đã bác đơn khiếu nại của bà Đ.

Năm 2008, ông có bán 01 phần đất ngang 20m, dài hơn 40m (là một phần trong phần đất diện tích 27,5 cao) cho vợ chồng bà Ngô Thị Bo, ông Trần Văn Ngẩn; do bà Bo, ông Ngẩn không trả đủ tiền nên xảy ra tranh chấp. Tòa án đã xét xử tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng bà Bo vô hiệu. Vợ chồng bà Bo trả lại phần đất này cho vợ chồng ông; ông có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng bà Bo tổng số tiền là 1.084.093.000 đồng. Các anh chị em trong nhà đều biết việc ông bán đất cho bà Bo, không có ai tranh cãi. Sau đó, ông bán một phần đất trong tổng diện tích 27,5 cao để lấy tiền trả cho bà Bo thì bà Đ yêu cầu chia di sản thừa kế.

Ông xác định phần đất tranh chấp có diện tích 2.750m², gồm các thửa 299, 301, 300, 302, 304; tờ bản đồ 02, tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa do Ngô Văn C đứng tên giấy đất.

Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, ông S, bà Bo, bà L, bà Đ1.

Ngoài ra, ông C xác nhận phần đất tranh chấp diện tích 950m², thuộc thửa 403, 404; tờ bản đồ 02 (trong thửa 73, tờ bản đồ số 06 bản đồ lưới 2005), tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa là của bà Ngô Thị Đ1 được mẹ là cụ Võ Thị R chia vào năm 1998. Tuy nhiên, sau khi chia đất khoảng 02 ngày sau, bà Đ1 đã bán đất này cho ông Ngô Văn C với giá 07 chỉ vàng 24k. Việc mua bán này hai

bên không có làm giấy nhưng ông C đã giao đủ vàng cho bà Đ1 và quản lý sử dụng đất này từ ngày chia đất đến nay.

Nay ông C không đồng ý trả lại phần đất diện tích 950m² cho bà Đ1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Đ1 và anh Diệp Văn Giàu E là người đại diện hợp pháp của bà Đ1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 2.642,7m² là của cụ Võ Thị R. Trước đây anh em có thỏa thuận giao phần đất này cho ông C tạm quản lý sử dụng không được quyền bán; nay Cụ R chết nên bà Đ1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ngoài ra, bà Đ1 được Cụ R chia cho phần đất 07 cao (700m²). Từ khi chia đất đến nay, bà Đ1 giao cho ông C canh tác để cúng giỗ ông bà, cha mẹ. Nay qua đo đạc thực tế phần đất này có diện tích là 950m² nên yêu cầu ông C trả lại phần đất này cho bà Đ1. Bà Đ1 có đăng ký kê khai và được cấp giấy CNQSDĐ nhưng cấp lộn thừa, cụ thể: đất bà Đ1 được cấp là thừa đất của bà Ngô Thị Bo đã bán cho ông S; đất bà Đ1 do ông C đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn S trình bày: Phần đất tranh chấp là di sản của cụ Võ Thị R chết để lại chưa chia. Ông không biết ông C bán đất phần đất tranh chấp cho bà Bo khi nào nhưng đến khi ông C và ông Ngẩn (chồng bà Bo) xảy ra tranh chấp thì ông mới biết. Nay ông yêu cầu được chia thừa kế 01 phần trong diện tích 2.642,7m² đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Bo trình bày: Bà xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là di sản của cụ Võ Thị R để lại chưa chia. Năm 2008, bà không yêu cầu chia phần đất này mà lại mua của ông C là vì ông C bán đất để có tiền sửa chữa lại căn nhà thờ cúng cha mẹ. Nay do ông C không bán đất cho bà mà bán đất cho người khác nên bà yêu cầu chia phần thừa kế đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ngọc L trình bày: Bà xác định khi Cụ R còn sống có chia cho bà 01 phần đất 20 cao nhưng ông C lấy lại sử dụng nên Cụ R có cho bà 08 chỉ vàng. Bà không có bán đất cho ai hết. Khi Cụ R chết bà không có tranh chấp gì về di sản của Cụ R để lại. Nay do ông C bán đất cho người ngoài nên bà yêu cầu chia 01 phần trong diện tích 2.642,7m² đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị R trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn C. Phần đất diện tích 2.642,7m² có nguồn gốc của cụ Võ Thị R; tuy nhiên, sau khi Cụ R chết nhà nước đã xem xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông C nên bà không tranh chấp đối với phần đất này. Bà biết việc bà Đ1 đã bán phần đất này cho ông C với giá 07 chỉ vàng, vì sau khi chia đất bà cũng đã bán 07 cao đất cho ông C với giá 07 chỉ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn C. Phần đất diện tích 2.642,7m² có nguồn gốc của cụ Võ Thị R; tuy nhiên, sau khi Cụ R chết nhà nước đã xem xét cấp giấy CNQSDĐ cho ông C nên bà không tranh chấp đối với phần đất này. Bà

biết việc bà Đ1 đã bán phần đất này cho ông C với giá 07 chỉ vàng, vì sau khi chia đất bà cũng đã bán 07 cao đất cho ông C với giá 07 chỉ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Văn T. Bà và ông T có một người con là Ngô Thị Ngọc L. Bà không có tranh chấp đối với phần đất mà bà Đ, bà Đ1 tranh chấp với ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Ch trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn C. Bà có cùng ý kiến cũng như yêu cầu của ông C.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, ông Ngô Văn S, bà Ngô Thị Ngọc L đối với ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị Ch đối với phần đất diện tích 2.642,7m² tại các thửa 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, tờ bản đồ số 02 (BĐ 299) chuyển lưới thửa 13, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Đ1 “Tranh chấp đòi tài sản” đối với ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch.

2.1. Buộc ông Ngô Văn C và bà Đinh Thị Ch có nghĩa vụ trả lại bà Ngô Thị Đ1 phần đất diện tích 950m² trong thửa 403, 404, tờ bản đồ 02; trong thửa 73, tờ bản đồ số 06 (bản đồ lưới 2005), tọa lạc khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của bà Đ1. Có tứ cận: Hướng Đông giáp ông C (thửa 73) dài 39,30m; Hướng Tây giáp đất bà Hải dài 37,33m; Hướng Nam giáp thửa 83 đất bà Tiền dài 24,32m; Hướng Bắc giáp thửa 60 đất ông S dài 25,4m.

2.2. Công nhận phần đất diện tích 950m² trong thửa 403, 404, tờ bản đồ 02; trong thửa 73, tờ bản đồ số 06 (bản đồ lưới 2005), tọa lạc khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBA, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của bà Đ1.

2.3. Bà Ngô Thị Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch số tiền 6.650.000 (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng công gìn giữ đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S đều có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, chia thừa kế tài sản của cụ Võ Thị R là phần đất diện tích 2.642,7m² nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Ngô Văn C không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời Đ Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị điều chỉnh tiền án phí ông C phải chịu là không có giá gạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Đ, bà Đinh Thị Ch, anh Diệp Văn Giàu E, bà Hồ Thị N, đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Võ Thị R là diện tích thực tế 2.642,7 m², tại các thửa 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304; tờ bản đồ số 02 (BĐ 299); chuyển sang bản đồ lưới là thửa 13, tờ bản đồ số 06, tại khu phố АД, phường AT, thị xã TBa. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

[2.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: theo Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 15-9-1994 của UBND huyện TBa, giao bà Đ được sử dụng phần đất 37,5 cao; Cụ R được giao cho sử dụng 27,5 cao; cụ thể tại mục 4 Điều 2 của Quyết định này thể hiện: “*Khi bà Võ Thị R sản xuất hết đời Nhà nước sẽ thu hồi xét trang cấp cho người khác*” và Quyết định này được bà Đ, Cụ R chấp hành, không ai khiếu nại hoặc khởi kiện. Năm 1997, cụ Võ Thị R chết. Năm 1999, bà Đ tiếp tục tranh chấp đất của Cụ R chết để lại. Ngày 19-11-1999, phần đất tranh chấp này UBND huyện TBa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04157/QSĐĐ/717/QĐ-UB(H) ngày 19-11-1999 do ông Ngô Văn C đứng tên.

Bà Đ tiếp tục khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04157/QSĐĐ/717/QĐ-UB(H). Tại Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 18-6-2009 của UBND huyện TBa và Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 17-4-2012 của UBND tỉnh Tây Ninh đều bác đơn khiếu nại của bà Đ và xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04157/QSĐĐ/717/QĐ-UB(H) cho ông C đối với phần đất 27,5 cao là đúng quy định pháp luật; cả hai quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Công văn số: 388/UBND ngày 23-4-2009 của UBND huyện TBa về việc trả lời đơn của bà Ngô Thị Đ có nội dung: “*Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 15-9-1994 có quy định: Khi bà Võ Thị R sản xuất hết đời Nhà nước sẽ thu*

hồi xét trang cấp cho người khác. Sau khi bà Ron qua đời, Ủy ban nhân dân xã AT đã họp xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn C.”. Ngoài ra, ông C là người quản lý sử dụng đất này từ khi bà Đ tranh chấp với Cụ R; bà Đ1, ông C, bà Đ, ông S, bà Bo đều thể hiện di sản của cụ Võ Thị R đã được phân chia vào năm 1999.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất diện tích 2.642,7 m², thuộc các thửa 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304; tờ bản đồ số 02 (BĐ 299), chuyển lưới thửa 13, tờ bản đồ số 06, tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh không phải là di sản thừa kế của cụ Võ Thị R; đồng thời khi bà Đ tiếp tục khiếu nại việc cấp đất cho ông C cũng được giải quyết xong bằng quyết định hành chính nên cấp sơ thẩm cần trả lại đơn khởi kiện cho bà Đ; tuy nhiên, để giải quyết yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế khác và nhằm giải quyết triệt để vụ án nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, ông Ngô Văn S, bà Ngô Thị Ngọc L đối với ông Ngô Văn C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L, ông Ngô Văn S; không chấp nhận lời đề nghị của Luật sư Lưu Ánh Ng; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Cấp sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo và bà Ngô Thị Ngọc L là có căn cứ.

5.2. Riêng án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch phải chịu 6.650.000 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật. Cụ thể, tại Đ a mục 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá gạch; do đó, cần điều chỉnh bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm ông C, bà Ch phải chịu 300.000 đồng cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S phải chịu án phí theo luật định.

Căn cứ Đ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo là người cao tuổi và bà Ngô Thị Ngọc L là con liệt sĩ nên miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, bà Ngô Thị Ngọc L và ông Ngô Văn S.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 609, 612, 613, 649, 650, của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp thừa kế tài sản” của bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo, ông Ngô Văn S, bà Ngô Thị Ngọc L đối với ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Thị Ch đối với phần đất diện tích 2.642,7 m², tại các thửa 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304; tờ bản đồ số 02 (BĐ 299), chuyển lưới thửa 13, tờ bản đồ số 06, tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh.

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Đ1 “tranh chấp đòi tài sản” đối với ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch.

6.1. Buộc ông Ngô Văn C và bà Đinh Thị Ch có nghĩa vụ trả lại bà Ngô Thị Đ1 phần đất diện tích 950 m², trong thửa 403, 404; tờ bản đồ 02; trong thửa 73, tờ bản đồ số 06 (bản đồ lược 2005), tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của bà Đ1. Có tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông C (thửa 73) dài 39,30m;
- Hướng Tây giáp đất bà Hải dài 37,33m;
- Hướng Nam giáp thửa 83 đất bà Tiền dài 24,32m;
- Hướng Bắc giáp thửa 60 đất ông S dài 25,4m.

(có sơ đồ kèm theo)

6.2. Công nhận phần đất diện tích diện tích 950 m² trong thửa 403, 404, tờ bản đồ 02; trong thửa 73, tờ bản đồ số 06 (bản đồ lược 2005), tại khu phố AĐ, phường AT, thị xã TBa, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ1.

6.3. Bà Ngô Thị Đ1 có nghĩa thanh toán (trả) cho ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch số tiền 6.650.000 (sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng tiền công gìn giữ đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 5.000.000 (năm triệu) đồng, bà Đ phải chịu (ghi nhận bà Đ đã nộp đủ).

Ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị Đ1 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo và bà Ngô Thị Ngọc L.

8.2. Ông Ngô Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai số 0015193 ngày 12-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TBa. Hoàn trả cho ông S số tiền 4.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

8.3. Ông Ngô Văn C, bà Đinh Thị Ch phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

9.1. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị Đ, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Bo và bà Ngô Thị Ngọc L.

9.2. Ông Ngô Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0026674 ngày 22-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TBa.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

12. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND thị xã TBa;
- Chi cục THADS thị xã TBa;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn